

Bản án số: 469/2023/DS-ST  
Ngày: 29-9-2023  
V/v “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Đàm Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 390/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần V  
Địa chỉ: Đường H, Phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:* Ông Đ.V.N (có mặt)  
Địa chỉ: Đường T, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số: 2474/2023/SE-UQ-VPB ngày 19/9/2023)

***- Bị đơn:***

1. Ông H.M.T, sinh năm 1966 (vắng mặt)
  2. Bà T.N.T1, sinh năm 1972 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông D.B.V (vắng mặt)

2. Bà Đ.T.T.H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 03 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ông Đ.V.N đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Giữa Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông H.M.T cùng bà T.N.T1 (sau đây là bị đơn), đã ký các Hợp đồng cho vay và quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

1) Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022 với nội dung như sau: Ngân hàng cho ông T và bà T1 vay số tiền 9.800.000.000 (chín tỷ tám trăm triệu) đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 515, tờ bản đồ số: 39 có số vào sổ CH00628 do UBND Quận 9 cấp ngày 01/03/2012 địa chỉ: Phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 180 tháng, lãi suất vay: 10.3%/năm (một năm là 365 ngày), cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh định kỳ lãi suất 03 tháng/lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 1/10 hàng năm. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng có nhân kỳ hạn 180 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.1%/năm;

Ngày 01/7/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 9.800.000.000 đồng như yêu cầu của bị đơn tại khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047.

Theo thỏa thuận, bị đơn được ân hạn trả nợ gốc 12 tháng đầu. Sau đó, bị đơn nghĩa vụ trả tiền gốc định kỳ một tháng một lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2023. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 58.330.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng cho vay, bị đơn chưa thanh toán tiền nợ gốc cho Ngân hàng và đã thanh toán 466.091.951 đồng tiền lãi.

Từ ngày 15/04/2023, ông H.M.T và bà T.N.T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam V. Tạm tính đến ngày 29/9/2022, bị đơn còn nợ đối với Hợp đồng cho vay LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022 tổng số tiền là 10.968.105.035 (Mười tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ năm ngàn, không trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 9.800.000.000 (chín tỷ, tám trăm triệu) đồng và tiền lãi là: 1.168.105.035 đồng (một tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ năm ngàn, không ba mươi lăm) đồng. Trong đó lãi trong hạn là 330.366.131 đồng, lãi quá hạn là 837.738.904 đồng.

2) Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông T và bà T1 vay số tiền 9.750.000.000 (chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số: 39 (BĐDC năm 2003) địa chỉ: đường M, phường P,

Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn vay 180 tháng, lãi suất vay: 10.3%/năm (một năm là 365 ngày), cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh định kỳ lãi suất 03 tháng/lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 1/10 hàng năm. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng có nhân kỳ hạn 180 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.1%/năm;

Ngày 01/7/ 2022 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 9.750.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048.

Theo thỏa thuận, bị đơn được ân hạn trả nợ gốc 12 tháng đầu. Sau đó, bị đơn nghĩa vụ trả tiền gốc định kỳ một tháng một lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2023. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 58.035.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, bị đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và đã thanh toán 462.869.779 đồng lãi.

Từ ngày 15/04/2023 ông H.M.T và bà T.N.T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh nợ vay. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/9/2023, bị đơn còn nợ đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022 tổng số tiền là: 10.912.989.468 (mười tỷ, chín trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 9.750.000.000 (chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là: 1.162.989.468 (một tỉ, một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó, lãi trong hạn là 329.524.742 đồng, lãi quá hạn là 833.464.726 đồng.

3) Để đảm bảo cho hai Hợp đồng cho vay nêu trên, bị đơn đã thế chấp tài sản là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 409, tờ bản đồ số: 26, tại địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 cấp cho ông H.M.T và bà T.N.T1, tài sản gắn liền trên đất là Nhà ở riêng lẻ, theo hợp đồng thế chấp ngày 20/6/2022 tại Văn phòng công chứng CA, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 014447, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

4) Ngoài ra, ông H.M.T có ký với ngân hàng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/4/2022. Theo đó Ngân hàng đã cấp cho ông H.M.T một thẻ tín dụng số 102-P-58172. Đến ngày 25/02/2023, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/09/2023 là 226.636.365 (Hai trăm, hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 179.999.900 (một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn) đồng và nợ lãi:

46.636.465 (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Hiện nay Ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 cho ông H.M.T và bà T.N.T1.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông T, bà T1 thanh toán ngay một lần tổng số tiền đối với hai hợp đồng cho vay nêu trên là 21.881.094.503 (hai mươi một triệu, tám trăm tám mươi một triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, năm trăm lẻ ba) đồng, trong đó nợ gốc là: 19.550.000.000 (mười chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi là 2.331.094.503 (hai tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, không trăm chín mươi tư ngàn, năm trăm lẻ ba) đồng.

Ngân hàng yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 30/9/2023 với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của các hợp đồng đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông T và bà T1 cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ thế tín dụng 226.636.365 (hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu một mình ông T trả số tiền cho nợ thế tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ bao gồm các khoản nợ gốc và các loại lãi phát sinh liên quan đến hai Hợp đồng cho vay: Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022; Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 409, tờ bản đồ số: 26, tại địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, TP.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, TP.HCM cấp ngày 07/06/2021 đứng tên ông H.M.T và bà T.N.T1, tài sản gắn liền trên đất là Nhà ở riêng lẻ, theo hợp đồng thế chấp ngày 20/6/2022 tại Văn phòng công chứng Châu Á, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 014447, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022 và Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022.

Nếu số tiền thu được khi phát mãi tài sản không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ còn lại cho Ngân hàng.

- Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2. Bị đơn ông H.M.T và bà T.N.T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T và bà T1 vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2023 bị đơn là ông H.M.T trình bày:

Vợ chồng ông có ký với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Hồ Chí Minh các hợp đồng cho vay sau đây:

1) Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022 với nội dung như sau:

- Số tiền: 9.750.000,000 (chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số: 39 (BĐDC năm 2003) địa chỉ: đường M, phường B, Quận K, Tp.Hồ Chí Minh

- Thời hạn vay: 180 tháng;

- Lãi suất vay: 10.3%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ lãi suất 03 tháng/lần.

Từ ngày 15/04/2022 ông và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Dư nợ thực tế theo hợp đồng cho vay trên tạm tính đến ngày 28/7/2023 là 10.552.057.548 (mười tỷ năm trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi tám) đồng.

- Nợ gốc: 9.750.000.000 (chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng

- Nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 28/07/2023: 802.012.413 (tám trăm lẻ hai triệu, không trăm mười hai nghìn, bốn trăm mười ba) đồng.

2) LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022 với nội dung như sau:

- Số tiền: 9.800.000.000 (chín tỷ, tám trăm triệu) đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 515, tờ bản đồ số: 39 có sổ vào sổ CH00628 do UBND Quận 9 cấp ngày 01/03/2012 địa chỉ: phường B, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thời hạn vay: 180 tháng;

- Lãi suất vay: 10.3%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh định kỳ lãi suất 03 tháng/lần.

- Từ ngày 15/04/2022 vợ chồng tôi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Hiện nay, vợ chồng ông còn nợ số tiền với Hợp đồng cho vay tạm tính đến ngày 28/7/2023 này là: 10.605.321.951 (mười tỷ sáu trăm linh năm triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm năm mươi một) đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 9.800.000.000 (chín tỷ tám trăm triệu) đồng.

Lãi tạm tính đến hết ngày 28/07/2023 theo hợp đồng cho vay trên là: 805,276,816 đồng.

3) Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các hợp đồng cho 02 hợp đồng vay trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 409, tờ bản đồ số: 26, tại địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 đứng vợ chồng tôi là ông H.M.T và bà T.N.T1, tài sản gắn liền trên đất là nhà ở riêng lẻ.

4) Ngoài ra ông còn 01 ký hợp đồng thế tín dụng số 102-P-581722 có dư nợ tạm tính đến 28/07/2023:

- Nợ gốc 208.241.573 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 3.275.269 đồng

- Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 28/7/2023 là: 211.516.842 (hai trăm mười một triệu năm trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi hai) đồng.

Toàn bộ số nợ theo các Hợp đồng cho vay nêu trên mục đích vay trong hợp đồng ghi để mua bất động sản, kể cả thế tín dụng vợ chồng ông cũng không sử dụng nhưng thực tế tôi không sử dụng khoản vay này mà đứng ra ký vay cho một người bạn lấy tiền. Tuy nhiên, do đã ký vào Hợp đồng cho vay. Vợ chồng ông chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng. Do gặp khó khăn về kinh tế, vợ chồng ông đã cố gắng trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thể trả đúng hạn.

Hiện nay vợ chồng ông chưa bán được nhà. Vì vậy ông xin trả nợ trong vòng 03 tháng kể từ tháng 8 năm 2023.

5) Trường hợp vợ chồng ông không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng số tiền trên. Vợ chồng ông đồng ý Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng ông để đảm bảo thi hành án.

6) Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng ông đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D.B.V và bà Đ.T.T.H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

*4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Ông H.M.T và bà T.N.T1 vắng mặt là tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ bao gồm các khoản nợ gốc và các loại lãi phát sinh liên quan theo quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 409, tờ bản đồ số: 26, tại địa chỉ: Đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 đứng vợ chồng tôi là ông H.M.T và bà T.N.T1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định đây là vụ án về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét văn bản ủy quyền số: 2474/2023/SE-UQ-VPB ngày 19/9/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ủy quyền cho ông Đ.V.N tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông N có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà T1,

- Ông D.B.V và bà Đ.T.T.H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V, bà H.

#### **[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:**

##### **[2.1]. Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:**

Xét các Hợp đồng cho vay số: số LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022; Hợp đồng cho vay số: LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022; Hội đồng xét xử nhận định về quyền khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Tại Điều 1 khoản 8 của hai khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 quy định: *Bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là 15/7/2022.*

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận thì từ ngày 01/7/2022 đến ngày 22/3/2023, bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi trong trong hạn đối với các hợp đồng cho vay, cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay số:

LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022 là 732.852.055 đồng, nhưng bị đơn chỉ thanh toán được 466.091.951; Đối với Hợp đồng cho vay số: LN2204275672048 là 732.739.178 đồng, nhưng bị đơn chỉ thanh toán được 462.869.779 đồng, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại các hợp đồng nêu trên.

Tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số: LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022 quy định: *Ngân hàng chấm dứt Hợp đồng cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Ngân hàng.*

Như vậy, mặc dù chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần VV khởi kiện, thu hồi nợ trước hạn đối với bị đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.2].** *Đối với yêu cầu trả nợ gốc của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/7/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/7/2022:*

- Tại khoản 7 Điều 1 của khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 và tại khoản 7 Điều 1 của khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048, các bên thỏa thuận, bị đơn được ân hạn trả nợ gốc trong 12 tháng đầu. Sau đó, bị đơn nghĩa vụ trả tiền gốc định kỳ một tháng một lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2023. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 58.035.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 và 58.035.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay đối với Hợp đồng cho vay LN2204275672047.

Mặc dù các bên thỏa thuận, bị đơn được ân hạn trả nợ gốc trong 12 tháng đầu, tức là đến ngày 15/7/2023 bị đơn mới phải bắt đầu trả tiền gốc. Tuy nhiên, như đã nhận định tại [2.1] do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi nên nguyên đơn có quyền chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn. Hơn nữa, từ ngày 15/7/2023 đến ngày xét xử vụ án, bị đơn không thanh toán bất kỳ số tiền nợ gốc nào cho nguyên đơn và vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.3].** *Đối với yêu cầu tính lãi đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ký ngày 01/07/2022; Hợp đồng cho vay số: LN2204275672048 ký ngày 01/07/2022:*

Căn cứ nội dung thỏa thuận tại khoản 6 Điều 1 khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 và khoản 6 Điều 1 khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 thì



lãi suất cho vay trong hạn là 10,3%/năm, cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3.1%, vào ngày đầu của các quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, nghỉ lễ theo quy định của VPBank thì điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Lãi suất quá hạn 150% x lãi suất trong hạn. Việc thỏa thuận của các đương sự về lãi suất là phù hợp với quy định của khoản Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Từ ngày 15/04/2023, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi nên nguyên đơn chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn và nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo thỏa thuận tại khoản 8 Điều 1 của khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047, bị đơn có trách nhiệm trả lãi vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/07/2022, mỗi tháng trả 58.330.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 29/9/2023 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ lãi là 466.091.951 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2023 với số tiền là: 1.168.105.035 đồng (một tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ năm ngàn, không ba mươi lăm) đồng, trong đó lãi trong hạn là 330.666.131 đồng, lãi quá hạn là 837.738.904 đồng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2022 với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng cho vay số LN2204275672047 và khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

- Theo thỏa thuận khoản 8 Điều 1 của khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048, bị đơn có trách nhiệm trả lãi vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ ngày 15/07/202, mỗi tháng trả 58.035.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 29/9/2023 bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ lãi là 462.869.779 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mà hai bên đã ký. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2023 với số tiền là: 1.162.989.648 (một tỉ, một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó lãi trong hạn là 329.524.742 đồng, lãi quá hạn là 833.464.726 đồng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2022 với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng cho vay số LN2204275672048 và khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

[2.4]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với thẻ tín dụng số 102-P-581722:

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ còn yêu cầu ông T trả số tiền cho nợ thẻ tín dụng. Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/4/2022 thì ông H.M.T là người ký hợp đồng với Ngân hàng, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống. Vì vậy Ngân hàng thay đổi yêu cầu, chỉ khởi kiện ông T trả nợ thẻ tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Tại điểm b, khoản 1 Điều 4 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *Chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng các khoản phí, phạt, lãi suất được đề cập trong bản sao kê.* Tính đến ngày 29/9/2023, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 226,636,365 (Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 179.999.900 (một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn) đồng và nợ lãi: 46.636.465 (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Như vậy, việc ông T không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Tại điểm 1 khoản 1 Điều 3 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Ngân hàng chấm dứt và thu hồi thẻ nếu chủ thẻ vi phạm các điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ.

- Tại Điều 5 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng công bố trong cùng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.* Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền 226.636.365 (Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 179.999.900 (một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn) đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 46.636.465 (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/4/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo .

3]. Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Căn cứ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 cho ông H.M.T và bà T.N.T1, có cơ sở xác định quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông H.M.T và bà T.N.T1. Do vậy, H.M.T và bà T.N.T1 thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thi hành đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là không trái quy định của pháp luật.

- Xét hợp đồng thế chấp ngày 20/6/2022 tại Văn phòng công chứng CA, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 014447, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD; Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022 và Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 có nội dung thỏa thuận là xuất phát từ sự tự nguyện, không trái pháp luật và đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Hội đồng xét xử căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn, cụ thể: Trong trường hợp ông H.M.T và bà T.N.T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với hai Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 theo quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 đứng tên ông H.M.T và bà T.N.T1 để thu hồi nợ.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà T1 bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Số vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 cho ông H.M.T và bà T.N.T1 đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay khi ông T, bà T1 trả xong các khoản nợ đối với các hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 và hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022.

- Do ông D.B.V và bà Đ.T.T.H không yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung liên quan đến Hợp đồng thuê nhà giữa ông T và bà T1 đối với căn nhà đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thế chấp và xin không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét hợp đồng thuê nhà.

Nếu có tranh chấp phát sinh liên quan đến việc thuê nhà giữa ông T, bà T1 với ông V, bà H thì sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh tranh chấp.

[4]. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Trong đó:

- Ông H.M.T và bà T.N.T1 chịu án phí đối với số tiền nợ của hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/202 với tổng số tiền nợ là 21.881.094.503 đồng.

- Ông H.M.T chịu án phí đối với số tiền nợ đối với thẻ tín dụng số 102-P-581722 số tiền là 226,636,365 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1) Buộc ông H.M.T và bà T.N.T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là: 10,968,105,035 (Mười tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ năm ngàn, không trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 9.800.000.000 (chín tỷ, tám trăm triệu) đồng và tiền lãi là: 1.168.105.035 đồng (một tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, một trăm lẻ năm ngàn, không ba mươi lăm) đồng. Trong đó lãi trong hạn là 330.366.131 đồng, lãi quá hạn là 837.738.904 đồng, đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2022 với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng cho vay số LN2204275672047 và khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

2) Buộc ông H.M.T và bà T.N.T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 10.912.989.468 (mười tỷ, chín trăm mười hai triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 9.750.000.000 (chín tỷ, bảy trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là: 1.162.989.468 (một tỷ, một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi tám) đồng. Trong đó lãi trong hạn là 329.524.742 đồng, lãi quá hạn là 833.464.726 đồng, đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2022 với lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận của hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/7/2022 và khế ước nhận nợ ngày 01/7/2022 đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

3) Buộc ông H.M.T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2013 là 226.636.365 (Hai trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó, nợ gốc: 179.999.900 (một trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm) đồng và nợ lãi: 46.636.465 (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2023 trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/4/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo .

4) Trong trường hợp ông H.M.T và bà T.N.T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với hai Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/07/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 theo quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 409, tờ bản đồ số: 26, tại địa chỉ: đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 đứng tên ông H.M.T và bà T.N.T1 để thu hồi nợ.

5) Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 938438, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 02842 do UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/06/2021 cho ông H.M.T và bà T.N.T1 đối với quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường S, Phường Q, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H.M.T và bà T.N.T1 ngay khi ông H.M.T và

bà T.N.T1 thi hành xong các khoản tiền theo quyết định của Tòa án, đối với Hợp đồng cho vay số LN2204275672047 ngày 01/07/2022 và Hợp đồng cho vay số LN2204275672048 ngày 01/7/2022.

6) Ông H.M.T và bà T.N.T1 có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

7) Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông H.M.T và bà T.N.T1 liên đới chịu án phí 129,881,094 (một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm tám mươi một ngàn, không trăm chín mươi bốn) đồng.

- Ông H.M.T chịu án phí 11.331.818 (mười một triệu, ba trăm ba mươi một ngàn, tám trăm mười tám) đồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 64.219.437 (sáu mươi tư triệu, hai trăm mười chín ngàn, bốn trăm ba mươi bảy) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0035136 ngày 16/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

8) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9) Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan**